

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN YHCT

Số: 2004/TB-BVYHCT

V/v yêu cầu báo giá hàng hóa
đối với gói thầu mua sắm hóa chất,
vật tư xét nghiệm, linh kiện, phụ kiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 2 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá, thực hiện công tác mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, linh kiện, phụ kiện cho phòng xét nghiệm bệnh viện YHCT Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An

Địa chỉ: Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của bộ phận chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An.

- Địa chỉ: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An, Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

- Số điện thoại: 02383.522.444; 0385.677.346.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi báo giá theo cách thức sau: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ: Phòng vật tư thiết bị y tế, bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 5 tháng 10 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 14 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Tại phụ lục 02 đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An. Địa chỉ: Số 01 Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, vận hành, chạy thử và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

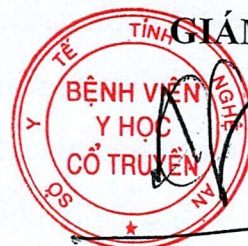
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

5. Mẫu báo giá: Tại phụ lục 01 đính kèm

6. Yêu cầu: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Hồ Văn Thăng

BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

[illegible]

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, vận hành, chạy thử và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026.

4. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An. Địa chỉ: Số 01, Tuệ Tĩnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

6. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên.

7. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 10.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa (nếu có)

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa

(7), (8), (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo thư mời báo giá số 2004/TB-BVYHCT ngày 2 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Mô tả chi tiết	Số lượng
1	Hóa chất đo định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	4
2	Hóa chất đo Định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	4
3	Hóa chất đo định lượng Protein toàn phần	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần	4
4	Hóa chất đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng phosphatase kiềm	4
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDH	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH	4
6	Hóa chất đo hoạt độ Amylase	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -amylase	4
7	Hóa chất đo hoạt độ Lipase	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng lipase	4
8	Hóa chất đo định lượng Calci toàn phần	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần	4
9	Hóa chất đo định lượng Mg	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê	4
10	Hóa chất đo định lượng Sắt	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt	4
11	Hóa chất đo hoạt độ LDH	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng phospho vô cơ	4
12	Hóa chất đo định lượng Phospho vô cơ	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng photpho vô cơ	4
13	Hóa chất đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK	4
14	Hóa chất đo Định lượng Lactat (Acid Lactic)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng L-Lactate	4
15	Hóa chất đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB	4
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB	4
17	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	Vật liệu kiểm soát mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB	4
18	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	Vật liệu kiểm soát mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB	4
19	Hóa chất định lượng HbA1c	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c	4
20	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c	4
21	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	Hóa chất kiểm chứng (kiểm chuẩn) cho xét nghiệm HbA1c	4
22	Hóa chất định lượng RF (Rheumatoid Factor)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF	4
23	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm RF	Hộp	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF	4
24	Hóa chất định lượng Transferrin	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng transferrin	4
25	Hóa chất định lượng Ferritin	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ferritin	4
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể ASO	4
27	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	4
28	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin	5
29	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT	6
30	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST	6
31	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT	5
32	Hóa chất định lượng Creatinin	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine	8
33	Hóa chất định lượng Ure	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê	5
34	Hóa chất định lượng Acid Uric	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric	5
35	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol	15
36	Hóa chất định lượng Triglycerid	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride	27

37	Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol	27
38	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hộp	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	14
39	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hộp	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	14
40	Hóa chất định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol	27
41	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hộp	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	14
42	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hộp	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	14
43	Hóa chất định lượng Glucose	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose	9
44	Hóa chất định lượng CRP	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao	20
45	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Hộp	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	14
46	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	14
47	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	14
48	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	14
49	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hộp	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	14
50	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	14
51	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	14
52	Ống lấy mẫu 2.5 mL	Cái	Chất liệu: nhựa Polypropylene, Chiều cao: 3,8 cm, đường kính ngoài: 1,7 cm, đường kính đáy: 1,2 cm	6000
53	Dung dịch rửa	Lít	Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%;	5
54	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	12
55	Dây bơm	Cái	Dùng để bơm dung dịch tẩy, rửa hoặc dung dịch ISE. Làm bằng vật liệu nhựa và cao su. Tổng chiều dài 10,7 cm (+/- 0,2 cm), chiều dài cao su: 8,8 cm (+/- 0,2 cm), đường kính 0,5 cm (+/- 0,1 cm).	6
56	Bóng đèn Halogen, 12V 20W	Cái	Bóng đèn quang học, nguồn sáng, cho đèn trắc quang, 12Vdc 20W. Làm bằng kim loại, thủy tinh, nhựa.	6
57	Xy lanh bệnh phẩm	Cái	Dùng để phân phối và hút một lượng mẫu chính xác. Làm bằng thủy tinh, nhựa, kim loại. Chiều dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm). Đường kính piston (phần kim loại): 2,0 mm (+/- 0,2 mm).	2
58	Xy lanh hoá chất	Cái	Dùng để phân phối và hút một lượng chính xác thuốc thử/ dung dịch đệm ISE. Làm bằng thủy tinh, nhựa và vật liệu kim loại, dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm). Đường kính piston (phần kim loại): 5,0 mm (+/- 0,2 mm).	2
59	Hóa chất rửa máy điện giải	Lọ	Thành phần: Hypochlorite de sodium < 0,1%, Surfactant < 1,0%, Conservateurs < 0,05 %	16
60	Điện cực Natri dùng cho máy điện giải	Cái	Điện cực Natri dùng cho máy điện giải	4
61	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	Cái	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	4
62	Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	Cái	Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	4
63	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải	Cái	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải	4
64	Bộ bảo trì máy điện giải	Bộ	Bộ bảo trì máy điện giải	4

65	Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải 3 thông số	Hộp	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl trong mẫu huyết thanh trên máy xét nghiệm điện giải.	16
66	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho máy phân tích điện giải	Lọ	Dung dịch hiệu chuẩn được dùng cho máy phân tích điện giải. Thành phần: Organic buffer < 0.1%, Inorganics salts < 2,0%, Preservative < 0.05%	3
67	Dung dịch rửa điện cực Na cho máy phân tích điện giải	Lọ	Dùng để rửa điện cực Na. Thành phần: Sodium fluoride < 1 %	6
68	Dịch châm điện cực Kali cho máy phân tích điện giải	Lọ	Dung dịch nạp điện cực Kali. Thành phần: Buffer < 0.5%, Potassium salts < 6%	6
69	Dịch châm điện cực pH, Natri, Clo cho máy phân tích điện giải	Lọ	Dung dịch nạp các điện cực Na, Cl và pH. Thành phần: Buffer < 0.5%, Inorganic salts < 8%	6
70	Dịch châm điện cực tham chiếu cho máy phân tích điện giải	Lọ	Dung dịch nạp điện cực tham chiếu. Thành phần: Buffer < 0.5%, Inorganic salts < 6%	6
71	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy phân tích điện giải (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺ , pH)	Lọ	Dung dịch kiểm chứng cho các điện cực Na, K, Cl, Ca và pH. Thành phần: Organic Buffer <0.1%, Inorganic salts <2.0 %, Preservative <0.05%	6
72	Màng điện cực máy điện giải	Túi	Màng điện cực dùng cho máy XN điện giải	4
73	Dây bơm máy điện giải	Chiếc	Vật tư dùng cho máy XN điện giải	5
74	Hoá chất pha loãng hồng cầu	Can	Hóa chất pha loãng hồng cầu. Trạng thái vật lí: chất lỏng; Thành phần: Sodium chloride 0.44%; Sodium sulphate anhydrous 0.97%; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	80
75	Hoá chất phá vỡ hồng cầu	Chai	Hóa chất phá vỡ hồng cầu; Trạng thái vật lí: chất lỏng; Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7%; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	40
76	Máu chuẩn mức thường	Lọ	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	20
77	Máu chuẩn mức cao	Lọ	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	20
78	Hoá chất rửa máy huyết học	Can	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học; Trạng thái vật lí: chất lỏng; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	26
79	Hoá chất rửa máy huyết học	Hộp	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học; Sử dụng tương thích với máy huyết học hãng Nihon Kohden	26
80	Thẻ nạp mẫu xét nghiệm cho máy đo tốc độ máu lắng	Cái	Thẻ nạp mẫu sử dụng trên máy đo tốc độ máu lắng. Nhiệt độ hoạt động: ≤10 độ C đến ≥30 độ C	2
81	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm tốc độ máu lắng	Hộp	Thành phần: Gồm các tế bào hồng cầu ổn định của con người trong một chất đệm lỏng và chất bảo quản.	7
82	Dung dịch rửa cho máy đo tốc độ máu lắng	Hộp	Dung dịch rửa máy đo tốc độ máu lắng	7
83	Liquid Urine Control	Hộp	Dung dịch chứng dùng cho máy phân tích nước tiểu	14
84	Chất chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 1	Lọ	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa nước tiểu cho loại que 10 thông số mức 1.	14
85	Chất chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 2	Lọ	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa nước tiểu cho loại que 10 thông số mức 2.	14
86	Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Hộp	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG.	8000
87	Que thử xét nghiệm định tính và bán định lượng 10 thông số nước tiểu (Mission Urinalysis Reagent Strips)	Hộp	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission có bước sóng 525nm và 635nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG.	8000